TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VỊ THỦY** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 316/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22 – 12 – 2020
V/v Tranh chấp ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Lư Trường Tây

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Bé Ngọc

Bà Nguyễn Thị Tua

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Toàn – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 264/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn, con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2020/QĐXXST–HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 130/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Mỹ T, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: ấp 3, thị trấn N, huyện V, tỉnh H (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Trần Trung Q, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: ấp 3, thị trấn N, huyện V, tỉnh H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Thị Mỹ T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Mỹ T và anh Trần Trung Q tự nguyện

tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn ngày 24/7/2013 tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện V, tỉnh H.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng về sau vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, không cùng quan điểm sống, thường xuyên cự cải là do anh Trần Trung Q không chăm lo cho cuộc sống vợ chồng, thường xuyên nhậu say về nhà có hành vi lấy quần áo chị Trinh ném ra ngoài sân, sau đó chị Trinh về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Chị Võ Thị Mỹ T và anh Trần Trung Q đã ly thân đầu năm 2019 cho đến nay nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Trung Q.

Về con chung: Có 02 người con tên Trần Võ Đăng K, sinh ngày: 30/9/2014 (Giới tính: Nam) và Trần Võ Đăng K1, sinh ngày: 05/12/2018 (Giới tính: Nam) đang sống với chị Võ Thị Mỹ T nên sau khi ly hôn chị Võ Thị Mỹ T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Trong quá trình tiến hành tố tụng anh Trần Trung Q có lời khai trình bày:

Anh Trần Trung Q và chị Võ Thị Mỹ T tự nguyện tiến tới hôn nhân, sau khi tổ chức lễ cưới anh chị đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nàng Mau, tỉnh Hậu Giang vào ngày 24/7/2013. Sau khi cưới vợ chồng anh chị sinh sống tại ấp 3, thị trấn N, huyện V, tỉnh H.

Trong thời gian chung sống vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẩn. Trong một lần anh Trần Trung Q đi nhậu về thì vợ chồng xảy ra cự cải thì anh Trần Trung Q có lấy đồ vợ ném ra sân, sau đó vợ về nhà mẹ ruột sinh sống, vợ chồng anh Trần Trung Q đã ly thân hơn 04 tháng nay. Nay chị Võ Thị Mỹ T yêu cầu ly hôn thì thì anh Trần Trung Q không đồng ý vì còn thương vợ thương con.

Về con chung: Có 02 người con: Trần Võ Đăng K, sinh ngày: 30/9/2014 (Giới tính: Nam) và Trần Võ Đăng K1, sinh ngày: 05/12/2018 (Giới tính: Nam). Hiện đang sống với chị Võ Thị Mỹ T nên sau khi ly hôn anh Trần Trung Q yêu cầu được nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng

các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành đúng theo giấy triệu tập của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Mỹ T được ly hôn với anh Trần Trung Q. Về con chung chị Võ Thị Mỹ T được tiếp tục nuôi dưỡng Trần Võ Đăng K, Trần Võ Đăng K1, chị Võ Thị Mỹ T chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên chưa xem xem xét. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trần Trung Q đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ lần hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn, con chung"*, căn cứ theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Mỹ T: Để chứng minh cho việc yêu cầu ly hôn của mình, chị Võ Thị Mỹ T đã cung cấp giấy chứng nhận kết hôn (bản chính) và các tài liệu gồm: Đơn xin xác nhận nơi cư trú của anh Trần Trung Q (bản chính), Giấy khai sinh Trần Võ Đăng K, Trần Võ Đăng K1 (bản sao). Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của chị Võ Thị Mỹ T tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống chị Võ Thị Mỹ T và anh Trần Trung Q phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh chị đã ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng ly thân anh chị không tìm được tiếng nói chung, không đoàn tụ được và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa chị Võ Thị Mỹ T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện được ly hôn với anh Trần Trung Q. Cho thấy, nguyên nhân mâu thuẫn trong hôn nhân là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và

gia đình năm 2014, nhận thấy, yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Mỹ T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 02 người con tên Trần Võ Đăng K, sinh ngày: 30/9/2014 (Giới tính: Nam) và Trần Võ Đăng K1, sinh ngày: 05/12/2018 (Giới tính: Nam) hiện đang do chị Võ Thị Mỹ T là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị Võ Thị Mỹ T và anh Trần Trung Q đều yêu cầu được nuôi con chung, và để chứng minh về điều kiện nuôi con chung, Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn, bị đơn cung cấp tài liệu chứng minh điều kiện kinh tế để nuôi con chung. Tuy nhiên, đã hết thời hạn theo Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ của Tòa án anh Trần Trung Q không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh về điều kiện nuôi con; chị Võ Thị Mỹ T cung cấp cho Tòa án được Giấy xác nhận thu nhập được cơ quan nơi đang công tác xác nhận.

[5] Xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân, chị Võ Thị Mỹ T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục Trần Võ Đăng K, Trần Võ Đăng K1 và chị cũng đã chứng minh được điều kiện kinh tế, thu nhập để nuôi con. Vì vậy, để không làm ảnh hưởng đến cuộc sống của Trần Võ Đăng K, Trần Võ Đăng K1, Hội đồng xét xử thống nhất tiếp tục giao cho chị Võ Thị Mỹ T được nuôi dưỡng Trần Võ Đăng K, Trần Võ Đăng K1 là phù hợp với các quy định của pháp luật cũng như việc phát triển bình thường của trẻ em.

Chị Võ Thị Mỹ T chưa yêu cầu anh Trần Trung Q cấp dưỡng nuôi con chung nên chưa xem xét.

Anh Trần Trung Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Không có

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Võ Thị Mỹ T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9; Điều 51; Điều 53, Điều 56; Điều 81;

Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Mỹ T được ly hôn với anh Trần Trung Q.

2. Về con chung: Chị Võ Thị Mỹ T được tiếp tục nuôi dưỡng Trần Võ Đăng K, sinh ngày: 30/9/2014 (Giới tính: Nam) và Trần Võ Đăng K1, sinh ngày: 05/12/2018 (Giới tính: Nam). Chị Võ Thị Mỹ T chưa yêu cầu anh Trần Trung Q cấp dưỡng nuôi con chung nên chưa xem xét.

Anh Trần Trung Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Chị Võ Thị Mỹ T và anh Trần Trung Q đều được thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Võ Thị Mỹ T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu số 0003424, ngày 08/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

6. Nguyên đơn chị Võ Thị Mỹ T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày xét xử sơ thẩm; bị đơn anh Trần Trung Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi bị đơn cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Lư Trường Tây

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THA dân sự huyện Vị Thủy;
- UBND TT.N;
- Lưu hồ sơ